

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

#### Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

## QUYẾT NGHỊ

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

**Điều 1:** Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
<b>A</b>	<b>Giá trị SXKD</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>46.227.294</b>	<b>33.894.212</b>	<b>76,0%</b>
1	Giá trị sản xuất điện thương mại	10 <sup>3</sup> đ	46.227.294	33.894.212	
-	Sản lượng điện	Kwh	33.510.470	25.457.258	
-	Tổng giá trị sản xuất	10 <sup>3</sup> đ	46.227.294	33.894.212	
2	Giá trị ngoài xây lắp và kinh doanh khác	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
<b>B</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>42.024.813</b>	<b>31.242.166</b>	<b>74,3%</b>
1	Doanh thu bán điện	10 <sup>3</sup> đ	42.024.813	31.242.166	74,3%
2	Thu nhập khác	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
3	Doanh thu HĐTC	10 <sup>3</sup> đ	0	2.498	
<b>C</b>	<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>35.083.391</b>	<b>31.030.720</b>	<b>88,3%</b>
<b>C1</b>	<b>Các khoản chi phí trực tiếp</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>23.326.120</b>	<b>19.737.548</b>	
1	Chi phí nhân công vận hành nhà máy	10 <sup>3</sup> đ	2.429.168	2.074.803	
2	Chi phí sản xuất chung	10 <sup>3</sup> đ	3.708.514	1.455.814	
	Trong đó: Tiền thuế TN nước và dịch vụ MTR		4.705.159	3.720.802	

3	Chi phí khấu hao TSCĐ	10 <sup>3</sup> đ	12.483.279	12.486.129	
<b>C2</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>1.592.659</b>	<b>1.438.025</b>	
-	Chi phí tiền lương và bảo hiểm xã hội	10 <sup>3</sup> đ	1.034.049	1.009.246	
-	Chi phí vật liệu quản lý	10 <sup>3</sup> đ	106.466	54.554	
-	Chi phí đồ dùng văn phòng	10 <sup>3</sup> đ	26.690	15.711	
-	Thuế và lệ phí	10 <sup>3</sup> đ	8.700	8.267	
-	Chi phí dịch vụ thuê ngoài	10 <sup>3</sup> đ	134.845	115.494	
-	Chi phí dự phòng	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
-	Chi bằng tiền khác	10 <sup>3</sup> đ	281.908	234.751	Bao gồm cả thù lao HDQT
<b>C3</b>	<b>Chi phí lãi vay vốn</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>10.164.610</b>	<b>9.855.147</b>	
<b>C4</b>	<b>Chi phí tài chính khác</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>	<b>51</b>	
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>6.941.422</b>	<b>225.877</b>	<b>3,3%</b>
<b>E</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>				
-	Tổng số CBCNV bình quân	Người	16	16	
-	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 <sup>3</sup> đ	14.000	14.500	
<b>F</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>5.000.000</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>5.000.000</b>	<b>0</b>	
-	Chi phí tư vấn, khảo sát thiết kế	10 <sup>3</sup> đ	2.000.000	0	
-	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	10 <sup>3</sup> đ	3.000.000	0	
<b>2</b>	<b>Dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>E</b>	<b>Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.335.807 cổ phần, đạt 99,72% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận và Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.**

### 1. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC số: 260224.004/BCTC.KT5 ngày 26 tháng 02 năm 2024, như sau:

I. Tổng tài sản tính đến 31/12/2023: **228.457.763.475** đồng.  
+ Tài sản ngắn hạn: **9.318.289.832** đồng.

+ Tài sản dài hạn:	219.139.473.643 đồng.
II. Tổng nguồn vốn tính đến 31/12/2023:	<b>228.457.763.475</b> đồng.
+ Nợ phải trả:	114.647.262.413 đồng.
+ Vốn chủ sở hữu:	113.810.501.062 đồng.

Đại hội thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. Trong trường hợp Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC không thể thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty thì Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.335.807 cổ phần, đạt 99,72% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

## **2. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023:**

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2023 (lãi): 225.877.084 đồng

Năm 2023 đơn vị chỉ tập trung công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 ( 8MW), đồng thời quyết toán thu hồi vốn phần dở dang xây lắp còn lại tại các công trình nhận thầu. Do hiện tượng thời tiết cực đoan El Nino trong năm 2023 khô hạn kéo dài nên sản lượng phát điện thương phẩm của nhà máy thấp hơn so với năm trước, đồng thời lãi suất vay vốn ngân hàng 9 tháng đầu năm 2023 còn cao, do vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty có lợi nhuận đạt thấp hơn năm 2022.

Phân phối lợi nhuận: Từ năm 2021 đến nay công tác phát điện thương mại của nhà máy Nậm Thi 2 đã có lãi nhưng phải bù lỗ các năm trước theo quy định, do vậy lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023 vẫn còn đang bị lỗ 7,7 tỷ đồng, vì vậy năm 2023 chưa có cổ tức để chia cho cổ đông.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.335.807 cổ phần, đạt 99,72% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

## **Điều 3: Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
<b>A</b>	<b>Sản lượng và doanh thu</b>		
1	Sản lượng phát điện thương mại	Kwh	33.284.108
2	Doanh thu tiền phát điện thương mại	10 <sup>3</sup> đ	38.458.243
3	Sản xuất kinh doanh xây lắp	10 <sup>3</sup> đ	0
<b>B</b>	<b>Các khoản chi phí sản xuất</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>31.913.085</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản chi phí trực tiếp</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>23.170.188</b>
1	Chi phí tiền lương nhân công vận hành	10 <sup>3</sup> đ	2.404.518

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
2	Chi phí sản xuất chung	10 <sup>3</sup> đ	20.765.669
	<i>Trong đó: + Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>12.483.279</i>
	<i>+ Chi phí thuế TN và DVMTR</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>4.897.600</i>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>1.588.209</b>
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	10 <sup>3</sup> đ	1.588.209
	+ Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	10 <sup>3</sup> đ	0
<b>III</b>	<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>7.154.687</b>
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>6.545.158</b>
<b>D</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>		
-	Tổng số CBCNV bình quân	Người	16
-	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 <sup>3</sup> đ	14.500
<b>E</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Dự án thủy điện Nậm Thi 1</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>0</b>
1	Công tác tư vấn, khảo sát thiết kế	10 <sup>3</sup> đ	0
2	Côn tác đền bù giải phóng mặt bằng	10 <sup>3</sup> đ	0
3	Chi phí xây dựng	10 <sup>3</sup> đ	0

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.335.807 cổ phần, đạt 99,72% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 4:** Thông qua báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2023, phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2024:

1/ Việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT công ty năm 2023 phải chi trả là:

TT	Tiền thù lao khoán trong năm	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	24.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	36.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	18.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	02	24.000.000
5	Thư ký	01	12.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>114.000.000</b>

**2/ Phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty năm 2024.**

Năm 2024 Công ty tiếp tục quản lý vận hành phát điện nhà máy Nậm Thi 2 và thực hiện các công việc chuẩn bị triển khai đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 khi được phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng của Chính phủ. Dựa trên chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và công tác sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS như sau:

**a) Hoàn thành đúng tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của dự án:**

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 3.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.500.000đ/người/tháng

**b) Hoàn thành 80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của dự án:**

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.000.000đ/người/tháng

**c) Hoàn thành <80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của dự án:**

- Mức thù lao đối với Chủ tịch kiêm nhiệm là: 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 500.000đ/người/tháng

**d) Khi dự án hoàn thành vượt tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch:** Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông phương án chi trả bổ xung mức thù lao trong năm và có kế hoạch khen thưởng cho Ban lãnh đạo Công ty.

**Ghi chú:**

- Điều kiện hưởng thù lao: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Phương thức thanh toán thù lao:
  - + Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT được trả theo quý và hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.
  - + Cuối năm căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm của Công ty để quyết toán mức chi trả thù lao cả năm.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.335.807 cổ phần, đạt 99,72% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 5: Thông qua báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty năm 2023.**

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.335.807 cổ phần, đạt 99,72% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 6: Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát và giới thiệu, bầu bổ sung thay thế thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 nhiệm kỳ 2020 – 2025.**

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.335.807 cổ phần, đạt 99,72% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 7: Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2025:**

- Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, đối chiếu theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-:- 2025 được bầu bổ sung là:

Ông Nguyễn Thế Hoàng được tin nhiệm 10.364.901 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 100% phiếu bầu đã trúng cử làm thành viên Ban Kiểm soát .

- Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 đã tiến hành phiên họp và thống nhất bầu ông Nguyễn Thế Hoàng làm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020 -:- 2025.

**Điều 8: Điều khoản thi hành**

Các ông Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng chức năng nhiệm vụ hoạt động của mình, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

**Nơi nhận:**

- Như điều 8
- Website Công ty
- Lưu VP/HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Hữu Nhuận**

